

Số: 1814 /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, chuyển tiếp, bổ sung  
kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Lương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 27/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Phú Lương thời kỳ 2021-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 397/TTr-STNMT ngày 23/7/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, chuyển tiếp, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Lương với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ bổ sung trong năm kế hoạch

Tổng diện tích các loại đất phân bổ bổ sung năm 2024 là 15,03 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất bổ sung

Tổng diện tích thu hồi đất bổ sung năm 2024 là 1,79 ha.

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung năm 2024 là 12,15 ha

*(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)*

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng bổ sung

Tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng bổ sung năm 2024 là 0,01 ha.

*(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)*

5. Danh mục các công trình, dự án bổ sung

Tổng số công trình, dự án thực hiện năm 2024 là 20 công trình, dự án, với diện tích sử dụng đất là 15,03 ha. Trong đó:

- 04 công trình, dự án chuyển tiếp sang thực hiện năm 2024, với diện tích sử dụng đất là 12,87 ha.

*(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)*

- 16 công trình, dự án đăng ký bổ sung năm 2024, với diện tích sử dụng đất là 2,16 ha.

*(Chi tiết tại Phụ lục VI và danh sách chi tiết kèm theo)*

6. Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất huyện Phú Lương

- Điều chỉnh tên, diện tích đối với 02 dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4236/QĐ-UBND ngày 30/12/2021; Quyết định số 3410/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 và Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 30/12/2023. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 4236/QĐ-UBND ngày 30/12/2021; Quyết định số 3410/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 và Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Nguyên nhân, lý do điều chỉnh: Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua điều chỉnh tên, diện tích tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 27/6/2024.

*(Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo)*

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có liên quan, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

3. Đối với việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất phải thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- TT. Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CNNXD, TH.

Hiepch/qd/t7

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Quang Tiến**









**PHỤ LỤC IV**

**Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2024 huyện Phú Lương**

(Kèm theo Quyết định số **1814**/QĐ-UBND ngày **31** tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
			Thị trấn Giang Tiên	Thị trấn Đu	Xã Động Đạt	Xã Yên Trạch
	<b>Tổng</b>	<b>0,01</b>				<b>0,01</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>					
1.1	Đất trồng lúa					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác					
1.3	Đất trồng cây lâu năm					
1.4	Đất rừng phòng hộ					
1.5	Đất rừng đặc dụng					
1.6	Đất rừng sản xuất					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản					
1.8	Đất nông nghiệp khác					
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>0,01</b>				<b>0,01</b>
2.1	Đất ở nông thôn					
2.2	Đất ở đô thị					
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan					
2.4	Đất an ninh					<b>0,01</b>
2.5	Đất quốc phòng					
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp					
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp					
2.8	Đất có mục đích công cộng					
2.9	Đất cơ sở tôn giáo					
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng					
2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng					
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối					
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng					
2.14	Đất phi nông nghiệp khác					

PHỤ LỤC V

Danh mục 04 công trình, dự án chuyển tiếp  
sang thực hiện năm 2024 trên địa bàn huyện Phú Lương

(Kèm theo Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>12,87</b>				<b>12,87</b>
1	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác tại xã Cổ Lũng (hộ ông Đinh Quang Huy)	Xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương	0,69				0,69
2	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác tại xã Vô Tranh (ông Đào Văn Sách và bà Trần Thị Thịnh)	Xã Vô Tranh, huyện Phú Lương	1,54				1,54
3	Mở đất xóm Quyết Tiến, xã Tức Tranh	Xã Tức Tranh, huyện Phú Lương	10,50				10,50
4	Mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn tại xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	0,14				0,14



## PHỤ LỤC VI

### Danh mục 16 công trình, dự án đăng ký bổ sung năm 2024 trên địa bàn huyện Phú Lương

(Kèm theo Quyết định số 1819/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	<b>TỔNG</b>		<b>2,16</b>	<b>0,83</b>			<b>1,33</b>
1	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị (có danh sách chi tiết kèm theo)	Thị trấn Đu, huyện Phú Lương	0,02				0,02
2	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn (có danh sách chi tiết kèm theo)	Các xã trên địa bàn huyện Phú Lương	0,48	0,16			0,32
3	Trụ sở Công an xã Yên Trạch	Xã Yên Trạch, huyện Phú Lương	0,21	0,18			0,03
4	Trụ sở Công an xã Phú Đô	Xã Phú Đô, huyện Phú Lương	0,27				0,27
5	Trụ sở Công an xã Yên Ninh	Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	0,31	0,31			
6	Trụ sở Công an xã Động Đạt	Xã Động Đạt, huyện Phú Lương	0,18	0,18			
7	Nhà văn hoá xóm Đồng Chợ	Xã Phú Lý, huyện Phú Lương	0,04				0,04
8	Mở rộng nhà văn hoá xóm Na Biều	Xã Phú Lý, huyện Phú Lương	0,03				0,03
9	Nhà văn hoá xóm Thâm Trung	Xã Ôn Lương, huyện Phú Lương	0,02				0,02
10	Nhà văn hoá xóm Suối Hang	Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	0,08				0,08
11	Nhà văn hoá xóm Đồng Đình	Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	0,11				0,11
12	Nhà văn hoá xóm Đồng Kem	Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	0,07				0,07
13	Nhà văn hoá TDP Cầu Trắng	Thị trấn Đu, huyện Phú Lương	0,04				0,04
14	Nhà văn hoá TDP Trần Phú	Thị trấn Đu, huyện Phú Lương	0,03				0,03
15	Nhà văn hoá TDP Giang Long	Thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương	0,05				0,05
16	Chợ xã Ôn Lương	Xã Ôn Lương, huyện Phú Lương	0,22				0,22

**DANH SÁCH CHI TIẾT XIN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT BỔ SUNG  
CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ LƯƠNG**

(Kèm theo Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện...)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Loại đất	Diện tích, loại đất xin chuyển mục đích (ha)			
						Tổng diện tích xin chuyển mục đích	Trong đó:		
							Sang đất ở	Sang đất trồng cây lâu năm	Sang đất trồng cây hàng năm khác
<b>I</b>	<b>Thị trấn Đu</b>								
1	Nguyễn Mạnh Cường Phạm Thị Xuất	Thị trấn Đu, huyện Phú Lương	819	8	BHK	0,004	0,004		
2	Doãn Thế Tài Hoàng Thị Thanh Hương	Thị trấn Đu, huyện Phú Lương	562	8	BHK	0,015	0,015		
3	Đặng Thị Phúc	Thị trấn Đu, huyện Phú Lương	234	36	CLN	0,004	0,004		
<b>II</b>	<b>Xã Phù Lý</b>								
1	Vi Văn Hoà	Xã Phù Lý, huyện Phú Lương	253	32	CLN	0,010	0,010		
2	Liêu Thị Việt	Xã Phù Lý, huyện Phú Lương	284	32	CLN	0,010	0,010		
3	Nguyễn Văn Trọng	Xã Phù Lý, huyện Phú Lương	343	27	CLN	0,015	0,015		
<b>III</b>	<b>Xã Động Đạt</b>								
1	Phạm Xuân Trường	Xã Động Đạt, huyện Phú Lương	408	23	CLN	0,014	0,014		
2	Hoàng Thị Thanh Thủy	Xã Động Đạt, huyện Phú Lương	416	23	CLN	0,015	0,015		
3	Lê Văn Giang	Xã Động Đạt, huyện Phú Lương	576	22	LUC	0,024	0,024		
4	Nguyễn Duyên Kiều	Xã Động Đạt, huyện Phú Lương	498	21	LUC	0,050	0,050		
		Xã Động Đạt, huyện Phú Lương	421	21	LUC	0,019	0,019		
<b>IV</b>	<b>Xã Phú Đô</b>								
1	Vũ Tiến Thành	Xã Phú Đô, huyện Phú Lương	424	59	BHK	0,011	0,011		
<b>V</b>	<b>Xã Yên Ninh</b>								
1	Vũ Phương Mai	Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	260	13	BHK	0,013	0,013		
2	Triệu Văn Lượng	Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	83	28	CLN	0,020	0,020		
3	Ma Hồng Hiếu	Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	107	48	CLN	0,018	0,018		

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện...)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Loại đất	Diện tích, loại đất xin chuyển mục đích (ha)			
						Tổng diện tích xin chuyển mục đích	Trong đó:		
							Sang đất ở	Sang đất trồng cây lâu năm	Sang đất trồng cây hàng năm khác
<b>VI</b>	<b>Xã Phấn Mễ</b>								
1	Hà Thị Nga	Xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương	754	14	CLN	0,013	0,013		
2	Lương Xuân Thiệp	Xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương	336	5	CLN	0,009	0,009		
3	Vũ Đình Mạnh	Xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương	820	14	LUK	0,020	0,020		
4	Nông Thị Thanh	Xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương	757 (823)	19 (14)	LUK	0,015	0,015		
5	Lê Văn Chính	Xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương	782	13	CLN	0,020	0,020		
6	Nguyễn Thị Ánh	Xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương	64 (79)	17(12)	BHK	0,015	0,015		
7	Nguyễn Thành Luận	Xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương	1584	22	BHK	0,016	0,016		
8	Trần Thị Tư	Xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương	53	27	LUC	0,017	0,017		
<b>VII</b>	<b>Xã Yên Đổ</b>								
1	Triệu Thị Hương	Xã Yên Đổ, huyện Phú Lương	500	85	CLN	0,010	0,010		
2	Lê Minh Toàn	Xã Yên Đổ, huyện Phú Lương	406	85	CLN	0,017	0,017		
<b>VIII</b>	<b>Xã Vô Tranh</b>								
1	Phạm Thị Thanh xuân	Xã Vô Tranh, huyện Phú Lương	1320	31	BHK	0,020	0,020		
2	Phạm Thị Kim Oanh	Xã Vô Tranh, huyện Phú Lương	507	29	CLN	0,010	0,010		
3	Lục Văn Dũng	Xã Vô Tranh, huyện Phú Lương	993	28	LUC	0,015	0,015		
<b>IX</b>	<b>Xã Cổ Lũng</b>								
1	Nguyễn Đình Minh	Xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương	385	17	CLN	0,013	0,013		
2	Nguyễn Tất Bình	Xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương	121	17	CLN	0,010	0,010		
		Xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương	46	18	BHK	0,020	0,020		
3	Nguyễn Thị Hải Thanh	Xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương	384	17	CLN	0,010	0,010		
4	Nguyễn Văn Hoàng	Xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương	261	79	CLN	0,010	0,010		

**PHỤ LỤC VII**

**Điều chỉnh tên, diện tích đối với 02 dự án trên địa bàn huyện Phú Lương**

(Kèm theo Quyết định số ~~1814~~ /QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau							
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
<b>A</b>	Quyết định số 4236/QĐ-UBND ngày 30/12/2021; Quyết định số 3410/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 và Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND tỉnh														
1	Mô đất xóm Quyết Tiến, xã Tức Tranh	Xã Tức Tranh, huyện Phú Lương	6,20				6,20	1	Mô đất xóm Quyết Tiến, xã Tức Tranh	Xã Tức Tranh, huyện Phú Lương	10,50				10,50
<b>B</b>	Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND tỉnh														
1	Công trình xử lý nước thải xã Yên Ninh	Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	0,09				0,09	1	Mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn tại xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	0,14				0,14